

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHO QUAN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05/8/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN, TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phương Thiệu

Ông Nguyễn Văn Phiếu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nho Quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Vũ Thị T** sinh năm 1979; Địa chỉ: **Thôn S, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình**

- **Bị đơn:** Anh **Đinh Văn T1** sinh năm 1972; địa chỉ: **Thôn S, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình**

Tại phiên tòa chị **T**, anh **T1** (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và đơn xin xét xử vắng mặt chị **Vũ Thị T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **T1** được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đăng ký kết hôn ngày 02/10/2000 tại **UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng**. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sinh sống **thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng** đến tháng 7 năm 2022 chuyển về sinh sống **thôn S, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình**. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh **T1** say xỉn đánh chửi vợ con, chị **T** cố gắng chịu đựng nhịn nhục để gia đình toàn vẹn nhưng chồng chị không sửa đổi mà ngày càng bạo lực hơn và đánh đuổi mẹ con chị không cho vào nhà.

Trong thời gian sinh sống hai vợ chồng chị mâu thuẫn càng trầm trọng khiến không khí gia đình căng thẳng. Chị **T** thấy cho đến nay mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nên chị làm đơn này đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh **Đinh Văn T1**.

Về con chung chị **T** và anh **T1** có 03 con chung là cháu **Đinh Thị Huyền T2** sinh ngày 22/7/2001 và cháu **Đinh Trọng T3** sinh ngày 18/6/2003 hiện nay hai cháu **T2** và cháu **T3** đã đủ 18 tuổi và đi làm nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Còn đối với cháu **Đinh Khánh T4** sinh ngày 06/2/2010 hiện đang ở với vợ chồng chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu **Đinh Khánh T4** đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và công nợ chung: chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị **Vũ Thị T** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Đinh Văn T1** vì tình cảm anh chị không còn. Về con chung chị **T** đề nghị được nuôi cháu **Đinh Khánh T4** sinh ngày 06/2/2010 trực tiếp nuôi dưỡng cháu **T4** và không yêu cầu anh **T1** phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và công nợ chung: tự thỏa thuận, không đề nghị tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ bị đơn anh **Đinh Văn T1** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Như chị **T** trình bày trên là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng có xảy ra việc cãi, chửi, đánh nhau. Nay chị **T** làm đơn xin ly hôn anh , nếu chị **T** có đơn xin ly hôn và muốn ly hôn thì anh **T1** cũng đồng ý.

Về con chung: anh **T1** và chị **T** có ba con chung là cháu **Đinh Thị Huyền T2** sinh ngày 22/7/2001 và cháu **Đinh Trọng T5** sinh ngày 18/6/2003 hiện nay hai cháu **T2** và cháu **T5** đã đủ 18 tuổi và đi làm nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Còn đối với cháu **Đinh Khánh T4** sinh ngày 06/2/2010 hiện đang ở với vợ chồng anh **T1**. Khi ly hôn anh **T1** có nguyện vọng được nuôi cháu **Đinh Khánh T4** đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con anh **Tinh yêu c** chị **T** phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/ tháng đến khi cháu **T4** đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình làm tự khai anh **Đinh Văn T1** có trình bày do điều kiện đi lại khó khăn nên không thể thường xuyên về làm việc với tòa án được nên có đề nghị tòa án trong quá trình giải quyết và xét xử anh đề nghị xin Tòa án cho anh được vắng mặt.

Ngoài ra, anh **Đinh Văn T1** không có yêu cầu phản tố hay đề nghị gì khác.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 5, Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Vũ Thị T**. Xử ly hôn giữa chị **Vũ Thị T** và anh **Đình Văn T1**.

2. Về con chung: cháu **Đình Thị Huyền T2** sinh ngày 22/7/2001 và cháu **Đình Trọng T5** sinh ngày 18/6/2003 hiện nay hai cháu **T2** và cháu **T5** đã đủ 18 tuổi và đi làm nên không Tòa án giải quyết.

Giao cháu **Đình Khánh T4** sinh ngày 06/2/2010 cho chị **Vũ Thị T** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu **T4** đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **T1** không phải cấp dưỡng nuôi con chung

3. Về án phí: Chị **Vũ Thị T** phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1]. *Về áp dụng pháp luật tố tụng:*

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn; Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị **Vũ Thị T** có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải là có căn cứ.

Ngày 18/7/2024 chị **Vũ Thị T** là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định Điều 227; Khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị **T**.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh **Đình Văn T1** là bị đơn trong vụ án đã có yêu cầu xin xử vắng mặt tại phiên tòa với lý do đi lại khó khăn không thể tham gia phiên tòa được. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh **T1** theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về áp dụng pháp luật nội dung:*

[2.1]. Chị **Vũ Thị T6** và anh **Đình Văn T1** được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 02/10/2000 tại **UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng** trên cơ sở tự nguyện, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Đây là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chị **T** và anh **T1** sinh sống tại **huyện L, tỉnh Lâm Đồng** cho đến tháng 07 năm 2022 cả gia đình chị **T** và anh **T1** đã chuyển về sinh sống tại **thôn S, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình** là quê của anh **T1** để ở. Từ khi chị **T** và anh **T1** về sinh sống tại **thôn S, xã V** có xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau nguyên nhân chính là vợ chồng bất hòa thường xuyên cãi chửi nhau và anh chị không có tiếng nói chung. Trong thời gian sinh sống hai vợ chồng chị mâu thuẫn càng trầm trọng khiến không khí gia đình căng thẳng. Cho đến nay mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nên chị làm đơn này đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh **Đình Văn T1**. Anh **T1** cũng trình bày Sau khi kết hôn vợ chồng anh **T1** chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân, thời gian mâu thuẫn giống như chị **T** đã trình bày. Sau phát sinh mâu thuẫn, nay chị **T** xin ly hôn anh **T1** cũng đồng ý ly hôn, anh **T1** thống nhất ly hôn do vậy Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị **T**, xử cho chị **Vũ Thị T** được ly hôn với anh **Đình Văn T1** là phù hợp Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị **Vũ Thị T** và anh **Đình Văn T1** có 3 con chung là cháu **Đình Thị Huyền T2** sinh ngày 22/7/2001 và cháu **Đình Trọng T5** sinh ngày 18/6/2003 hiện nay hai cháu **T2** và cháu **T5** đã đủ 18 tuổi và đi làm nên không Tòa án giải quyết. Còn đối với cháu **Đình Khánh T4** sinh ngày 06/2/0210 hiện đang ở với vợ chồng anh **T1**. Khi ly hôn chị **T** và anh **T1** đều có nguyện vọng được nuôi cháu **Đình Khánh T4** đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của anh chị là hoàn toàn chính đáng, tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo được môi trường và điều kiện phát triển tốt nhất cho con, cháu **T4** hiện nay đã hơn 08 tuổi nên tại biên bản tự khai của cháu **T4** đề ngày 15/7/2024, cháu **T4** có trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ là chị **Vũ Thị T** vì cháu cho rằng mẹ cháu gần gũi cháu hơn vì bố cháu hay say xỉn và đánh mẹ con cháu. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nguyện vọng được nuôi con của anh **T1** và chị **T** là chính đáng tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi và điều kiện sống của các cháu được học tập và giáo dục tốt nhất. Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cho chị **T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Đình Khánh T4** đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **T** không yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: chị **T**, anh **T1** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Chị **Vũ Thị T** chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Xử cho chị **Vũ Thị T** được ly hôn đối với anh **Đình Văn T1**. Quan hệ hôn nhân của chị **Vũ Thị T** và anh **Đình Văn T1** chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu **Đình Khánh T4** sinh ngày 06/2/2010 cho chị **Vũ Thị T** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu **K** đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **Đình Văn T1** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

“Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở giáo dục con; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Vũ Thị T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0001290 ngày 18 tháng 6 năm 2024.

5. Án xử công khai sơ thẩm chị **Vũ Thị T** và anh **Đình Văn T1** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thị Thanh N

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND H. NQ;
- Chi cục THA H.NQ;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Thị Thanh Nhàn

